

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 95/2023/DS-GĐT

Ngày: 16/5/2023

V/v tranh chấp chia di sản thừa kế.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Xuân

Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tùng

Bà Trần Thị Thu Thủy

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lụa - Thẩm tra viên.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.2. Cụ **Nguyễn Văn Tr**, sinh năm 1942;

1.3. Cụ **Lê Thị K**, sinh năm 1944 (chết ngày 17/4/2020)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Lê Thị K:

1.3.1. Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: 2/XY Khu phố N, phường L, quận Thủ Đức (nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3.2. Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1963;

1.3.3. Ông **Nguyễn Văn LG**, sinh năm 1970;

1.3.4. Bà **Nguyễn Kim S**, sinh năm 1973;

1.3.5. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1975;

1.3.6. Ông **Nguyễn Thành LI**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ Z, ấp T, xã T, huyện TC, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Cháu **Nguyễn Hạo Gia Ng**, sinh năm 2008;

Địa chỉ: Tổ B, ấp T, xã T, huyện TC, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Hạo Gia Ng là bà Lê Kim Q (mẹ ruột cháu Ng), sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ B, ấp T, xã T, huyện TC, tỉnh Tây Ninh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Nguyễn Văn LG**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Tổ Z, ấp T, xã T, huyện TC, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/5/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là cụ Nguyễn Văn Tr, cụ Lê Thị K (cụ K chết ngày 17/4/2020) và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Lê Thị K trình bày:

Phần đất có diện tích 6.695m² thuộc thửa 251, 252, tờ bản đồ số 32, đất tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh do ông Nguyễn Thành LC đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây gọi tắt là GCNQSDĐ) cấp ngày 09/8/2004.

Ông Nguyễn Thành LC chết ngày 16/4/2009, không để lại di chúc. Ông LC chung sống với bà Lê Kim Q từ năm 2007 nhưng không đăng ký kết hôn. Ông LC và bà Q có 01 con chung là cháu Nguyễn Hạo Gia Ng, sinh năm 2008. Cha mẹ ông LC là cụ Nguyễn Văn Tr và cụ Lê Thị K.

Cụ Tr, cụ K yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của ông LC là quyền sử dụng đất nêu trên theo pháp luật, đồng ý giao đất cho cháu Nguyễn Hạo Gia Ng và nhận giá trị quyền sử dụng đất được chia.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ K gồm: bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn LG, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Kim S, ông Nguyễn Văn T xác định nếu cụ K được chia một phần di sản thừa kế thì đồng ý giao lại cho ông Nguyễn Thành LI (con của cụ Tr, cụ K) được quyền sở hữu, sử dụng. Ông Nguyễn Thành LI đồng ý nhận toàn bộ phần di sản mà cụ Tr, cụ K được hưởng, đồng ý thực hiện nghĩa vụ nếu có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cháu Nguyễn Hạo Gia Ng (do người đại diện theo pháp luật là bà Lê Kim Q) trình bày:

Bà Q thống nhất với trình bày của nguyên đơn về di sản thừa kế, hàng thừa kế của ông LC. Bà Q đồng ý chia di sản thừa kế của ông LC chết để lại theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn LG trình bày : Ông là người thuê đất và đang trực tiếp sử dụng phần đất tranh chấp. Ông không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nếu Tòa án giải quyết giao phần đất tranh chấp cho ai thì ông thu hoạch hoa màu trả lại đất cho người đó.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2020/DS-ST ngày 30/9/2020, Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Tây Ninh quyết định (tóm tắt):

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Tr.

Buộc cụ Nguyễn Văn Tr, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn LG, bà Nguyễn Kim S, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Thành LI giao cho cháu Nguyễn Hạo Gia Ng (người giám hộ là bà Lê Kim Q) được quyền sử dụng 01 phần đất (có tứ cận cụ thể), diện tích 6.695m² thuộc thửa 251, 252, tờ bản đồ số 32. Diện tích qua đo đạc thực tế là 7.612m², tại thửa số 88, tờ bản đồ số 80, trị giá 761.200.000 đồng; trên đất có một giếng khoan trị giá 1.500.000 đồng. Tổng cộng 762.700.000 đồng.

Cháu Nguyễn Hạo Gia Ng (người giám hộ là bà Lê Kim Q) được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo luật định.

Buộc bà Lê Kim Q (người giám hộ cho cháu Nguyễn Hạo Gia Ng) có nghĩa vụ giao cho ông Nguyễn Thành LI sở hữu số tiền 508.466.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí đo đạc, định giá, án phí, quyền, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo.

Tại Quyết định số 07/2021/QĐSCBSBA ngày 27/12/2021, Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Tây Ninh sửa chữa, bổ sung Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2020/DS-ST ngày 30/9/2020, như sau (tóm tắt):

1. Tại trang số 06, dòng thứ 11, từ dưới đếm lên của bản án nêu trên thiếu cụm từ “đất tọa lạc tại xã TB, huyện B, tỉnh Tây Ninh, đất đã được UBND huyện B, tỉnh Tây Ninh cấp GCNQSDĐ số 04485 QSDĐ/1741/04/HĐ-CN ngày 09/8/2004 do ông Nguyễn Thành LC đứng tên đăng ký”

- Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: đất tọa lạc tại xã TB, huyện B, tỉnh Tây Ninh, đất đã được UBND huyện B, tỉnh Tây Ninh cấp GCNQSDĐ số 04485 QSDĐ/1741/04/HĐ-CN ngày 09/8/2004 do ông Nguyễn Thành LC đứng tên đăng ký.

2. Tại trang số 06, dòng thứ 5, từ dưới đếm lên của bản án nêu trên thiếu cụm từ “kể từ ngày ông LI có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê Kim Q (người giám hộ cho cháu Nguyễn Hạo Gia Ng) chưa thi hành hết số tiền như đã nêu trên thì hàng tháng bà Lê Kim Q (người giám hộ cho cháu Nguyễn Hạo Gia Ng) còn phải chịu thêm tiền lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả,

theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015”.

- Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: kể từ ngày ông LI có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê Kim Q (người giám hộ cho cháu Nguyễn Hạo Gia Ng) chưa thi hành hết số tiền như đã nêu trên thì hàng tháng bà Lê Kim Q (người giám hộ cho cháu Nguyễn Hạo Gia Ng) còn phải chịu thêm tiền lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tại Báo cáo số 04/TA-BCKN ngày 25/5/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh kiến nghị kháng nghị đối với bản án dân sự sơ thẩm và quyết định sửa chữa, bổ sung bản án nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định số 09/2023/KN-DS ngày 10 tháng 02 năm 2023, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kháng nghị giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự sơ thẩm 69/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 07/2021/QĐSCBSBA ngày 27/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Tây Ninh; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm, hủy Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 07/2021/QĐSCBSBA ngày 27/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Tây Ninh; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Tây Ninh; buộc bà Lê Kim Q (người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Hạo Gia Ng) trả cho ông Nguyễn Thành LI khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định của pháp luật và đồng thời bổ sung thêm nội dung “*đất tọa lạc tại xã TB, huyện B, tỉnh Tây Ninh, đất đã được UBND huyện B, tỉnh Tây Ninh cấp GCNQSDĐ số 04485/QSDĐ/1741/04/HĐ-CN ngày 09/8/2004 do ông Nguyễn Thành LC đứng tên đăng ký*”.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo nội dung vụ án, bà Lê Kim Q là mẹ ruột của cháu Nguyễn Hạo Gia Ng, căn cứ quy định tại Điều 47, Điều 136 Bộ luật Dân sự thì bà Q được xác định là người đại diện theo pháp luật của cháu Ng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Q là người giám hộ của cháu Ng là không chính xác. Quá trình giải quyết vụ án, cụ Lê Thị K là nguyên đơn chết. Tòa án cấp sơ thẩm đưa những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ K tham gia tố tụng nhưng không xác định họ với tư cách là nguyên đơn là không đúng, do đó cần xác định lại tư cách tố tụng của các đương sự cho đúng với quy định của pháp luật.

[2] Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về lãi, lãi suất trong bản án, quyết định của Tòa án, như sau:

1. Khi giải quyết vụ án hình sự, hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, cùng với việc quyết định khoản tiền mà bên có nghĩa vụ về tài sản phải thanh toán cho bên được thi hành án thì Tòa án phải quyết định trong bản án hoặc quyết định (Phần quyết định) như sau:

a) ...

b) Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. “Mức lãi suất hai bên thỏa thuận” hướng dẫn tại khoản 1 điều này là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng hoặc tại Tòa án. Trường hợp, các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

Đôi chiếu quy định nêu trên thì khi tuyên buộc bà Lê Kim Q (người đại diện theo pháp luật của cháu Ng) phải trả cho ông Nguyễn Thành LI số tiền 508.466.000 đồng thì Tòa án cấp sơ thẩm còn phải tuyên về khoản tiền lãi chậm thi hành án kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong. Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên về phần lãi suất chậm thi hành án trong bản án là làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Thành LI.

[3] Khoản 1 Điều 268 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Sau khi tuyên án xong thì không được sửa chữa, bổ sung bản án, trừ trường hợp phát hiện lỗi rõ ràng về chính tả, về số liệu do nhầm lẫn hoặc tính toán sai”.

Đôi chiếu với quy định nêu trên, việc Tòa án nhân dân huyện TC ban hành Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/QĐSCBSBA ngày 27/12/2021, để bổ sung thêm phần: “kể từ ngày ông LI có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê Kim Q (người giám hộ cho cháu Nguyễn Hạo Gia Ng) chưa thi hành hết số tiền như đã nêu trên thì hàng tháng bà Lê Kim Q (người giám hộ

cho cháu Nguyễn Hạo Gia Ng) còn phải chịu thêm tiền lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015”, là không đúng. Bởi vì phần bổ sung này đã làm phát sinh thêm quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong vụ án.

[4] Theo báo cáo kiến nghị số 04/TA-BCKN ngày 25/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh; Công văn số 312/CTHADS-KTGQKNTC ngày 23/3/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, sau khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật, vào ngày 07/4/2021 ông LI có đơn yêu cầu thi hành án, đến ngày 16/12/2021, bà Q đã nộp đủ số tiền 508.466.000 đồng để thi hành án trả cho ông LI. Ngày 25/01/2022, ông LI có đơn yêu cầu thi hành án bổ sung về khoản tiền lãi chậm thi hành án. Tại Thông báo số 318/TB-CCTHADS ngày 28/01/2022, Chi cục Thi hành án dân sự huyện TC từ chối nhận yêu cầu thi hành án của ông LI vì cho rằng bà Q đã thi hành án xong số tiền 508.466.000 đồng trước khi có quyết định sửa chữa, bổ sung bản án và trước khi ông LI có đơn yêu cầu thi hành án phần lãi suất.

Như vậy, bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện TC có thiếu sót trong việc không tuyên nghĩa vụ trả lãi trong trường hợp chậm thi hành án nhưng quyết định sửa chữa, bổ sung bản án được ban hành không đúng quy định của pháp luật, không thi hành án được. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự, cần hủy quyết định sửa chữa, bổ sung bản án và sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bà Q trả cho ông LI khoản tiền lãi chậm trả của số tiền chậm thi hành án tính từ ngày 07/4/2021 đến ngày 15/12/2021.

[5] Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc nguyên đơn phải giao 01 phần đất cho bị đơn, có diện tích, tứ cận nhưng không nêu rõ đất tọa lạc tại đâu, thuộc GCNQSDĐ nào là thiếu sót. Tại quyết định sửa chữa bổ sung bản án, Tòa án cấp sơ thẩm đã bổ sung thêm phần này nhưng do phải hủy quyết định sửa chữa, bổ sung bản án như đã phân tích nêu trên, nên cũng cần sửa bản án sơ thẩm để bổ sung thêm cụm từ “*đất tọa lạc tại xã TB, huyện B, tỉnh Tây Ninh, đất đã được UBND huyện B, tỉnh Tây Ninh cấp GCNQSDĐ số 04485 QSDĐ/1741/04/HĐ-CN ngày 09/8/2004 do ông Nguyễn Thành LC đứng tên đăng ký*” nhằm đảm bảo cho công tác thi hành án.

[6] Về kết quả thi hành án:

Ông Nguyễn Thành LI chưa nộp án phí dân sự sơ thẩm là 10.896.000 đồng.

Đối với chi phí đo đạc, định giá: cụ Nguyễn Văn Tr phải chịu 7.340.000 đồng, cụ Tr đã nộp xong. Bà Lê Kim Q (người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Hạo Gia Ng) trả cho cụ Tr số tiền chi phí đo đạc, định giá là 3.670.000 đồng. Ngày 16/12/2021, bà Lê Kim Q đã thi hành án xong số tiền này.

- Ngày 07/4/2021, ông Nguyễn Thành LI có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền 508.466.000 đồng. Ngày 16/12/2021, bà Q đã thi hành án trả cho ông Nguyễn Thành LI xong số tiền này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 325; Điều 334; Điều 337; Điều 342; Điều 343; Điều 347 và Điều 348 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận kháng nghị số 88/2022/KN-DS ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 07/2021/QĐSCBSBA ngày 27/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Tây Ninh; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Tây Ninh, như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Tr, cụ Lê Thị K.

Buộc cụ Nguyễn Văn Tr và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Lê Thị K là: bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn LG, bà Nguyễn Kim S, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Thành LI giao cho cháu Nguyễn Hạo Gia Ng (do bà Lê Kim Q là người đại diện theo pháp luật) được quyền sử dụng 01 phần đất có diện tích 6.695m² (đo đạc thực tế là 7.612m²) thuộc thửa 251, 252, tờ bản đồ số 32 (thửa mới là số 88, tờ bản đồ số 80), tọa lạc tại xã TB, huyện B, tỉnh Tây Ninh, đã được UBND huyện B, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04485 QSDĐ/1741/04/HĐ-CN ngày 09/8/2004 cho ông Nguyễn Thành LC, có tứ cận: Phía Đông giáp đất bà Mai Thị Thịnh; phía Tây giáp đường đất; phía Nam giáp đường đất; phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn Nam. Trị giá quyền sử dụng đất là 761.200.000 đồng; trên đất có một giếng khoan trị giá 1.500.000 đồng, tổng cộng là 762.700.000 đồng.

Cháu Nguyễn Hạo Gia Ng (người đại diện theo pháp luật là bà Lê Kim Q) được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo luật định.

Buộc bà Lê Kim Q (người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Hạo Gia Ng) có nghĩa vụ giao cho ông Nguyễn Thành LI sở hữu số tiền 508.466.000 đồng. Ngày 16/12/2021, bà Q đã thi hành án trả cho ông LI xong số tiền này.

3. Về án phí và chi phí tố tụng

Cụ Nguyễn Văn Tr phải chịu 7.340.000 đồng tiền chi phí đo đạc, định giá, ghi nhận đã nộp và đã chi phí xong.

Buộc bà bà Lê Kim Q (người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Hạo Gia Ng) trả lại cho cụ Nguyễn Văn Tr số tiền 3.670.000 đồng chi phí đo đạc, định giá. Bà Q đã thi hành xong số tiền này.

Cụ Nguyễn Văn Tr, cháu Nguyễn Hạo Gia Ng được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Thành LI phải chịu 10.896.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về giải quyết hậu quả thi hành án

Đối với khoản tiền lãi của số tiền 508.466.000 đồng mà bà Lê Kim Q (người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Hạo Gia Ng) đã thi hành án trả cho ông LI thì bà Lê Kim Q còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 kể từ ngày 07/4/2021 đến ngày 16/12/2021.

6. Trường hợp, quyết định giám đốc thẩm được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDCC tại TP.HCM;
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện TC, tỉnh Tây Ninh;
- Chi Cục THADS huyện TC, tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện B, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng HCTP-VP, Phòng GDKT II, HS; THS (NL).

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Xuân